

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

**THÁI NGUYÊN - NGÀY 01/3/2020**

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

**THÁI NGUYÊN - NGÀY 01/3/2020**



---

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

**TÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI**

### **I. THÔNG TIN CHUNG:**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/06/2017 với Mã số doanh nghiệp 4600409377
- Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 250.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.843.185
- Số Fax: 02083.843.185
- Website: <http://ximangquantrieu.com>
- Mã cổ phiếu: CQT

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là một doanh nghiệp hạch toán độc lập và là Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV- CTCP, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 6 ngày 16/06/2017 với Mã số doanh nghiệp 4600409377, với các cổ đông sáng lập là các Công ty có tiềm lực tài chính và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, cụ thể gồm: Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin; Công ty TNHH một thành viên Than Khánh Hòa VVMI; Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị Than nội địa; Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI.

Ngày 31/05/2007, Công ty chính thức hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 120 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 250 tỷ đồng. Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (nắm giữ 21.228.014 cổ phần chiếm tỷ lệ 84,91% tổng số vốn điều lệ của Công ty).



**❖ Quá trình tăng vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty cổ phần là 120.000.000.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô, cụ thể:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/02/2008 đã nhất trí thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng) cho cổ đông hiện hữu, thời gian thực hiện vào Quý IV năm 2008.

- Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/5/2008 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng), thời gian thực hiện từ Quý I năm 2009 cho đến cuối năm 2010 và ngày 22/12/2010 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 3 với mức vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.

- Căn cứ tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy và giá trị tổng dự toán công trình, ngày 16/4/2011 tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng, phát hành cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông góp vốn theo tiến độ; ngày 14/06/2017 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 250 tỷ đồng.

**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất xi măng, clinker và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ khác.

+ Địa bàn kinh doanh:

- Hiện tại, địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính ở Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, các khối nghiệp vụ của Công ty gồm 6 phòng ban và 3 phân xưởng. Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI hiện nay không có các đơn vị hạch toán phụ thuộc cũng như các đơn vị thành viên.

- Công ty bán hàng cho trên 130 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

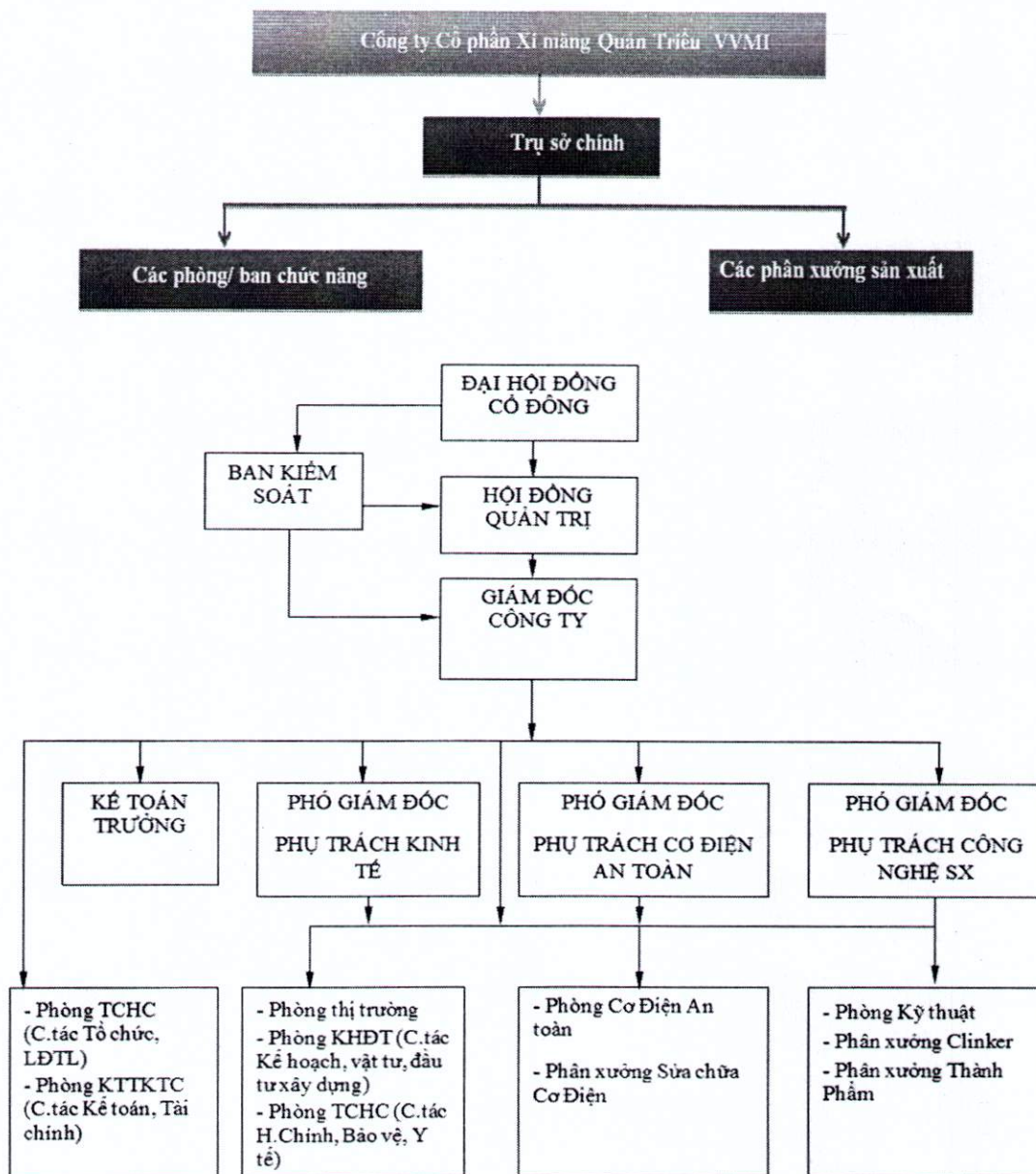


- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu ở khu vực phía Bắc, bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang,... và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

**Sơ đồ tổ chức Công ty:**



Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Nhìn chung bộ máy quản lý và điều hành Công ty đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ điều hành quản lý hoạt động SXKD đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong dây chuyền sản xuất.

❖ **Bộ máy lãnh đạo:**

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều hành quản lý Công ty.

• **Ban Giám đốc**

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất điều hành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cơ quan chủ quản theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với người lao động theo hợp đồng đã ký.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực đã phân công.



**• Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của phòng Kế toán - Thống kê, tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác và chế độ tài chính của Công ty.

**❖ Các phòng ban chức năng:**

Công ty bao gồm 6 phòng chuyên môn và 3 phân xưởng. Cụ thể: Phòng tổ chức hành chính (bao gồm: Công tác Tổ chức, LĐTL, Văn phòng, Y tế, Bảo vệ), Phòng kế toán thống kê tài chính (bao gồm: Công tác Kế toán, Tài chính, Bán hàng), Phòng kế hoạch đầu tư (bao gồm: Công tác Kế hoạch, Vật tư, Đầu tư xây dựng), Phòng kinh doanh thị trường, Phòng Cơ Điện An toàn (bao gồm: Công tác Kỹ thuật cơ điện, An toàn BHLĐ), Phòng Kỹ thuật. Các phân xưởng gồm có: Phân xưởng Clinker, Phân xưởng Thành Phẩm, Phân xưởng Sửa chữa Cơ Điện.

**4. Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

**5. Định hướng phát triển:**

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI có định hướng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư phát triển theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của khách hàng. Cụ thể:

- Thực hành tiết kiệm triệt để trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tiếp tục hoàn thiện Quy chế khoán nhằm giảm thiểu chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Triển khai thực hiện Quy chế khoán đến từng phân xưởng sản xuất và các bộ phận trong Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất;

- Đặt khách hàng là trung tâm cho mọi hoạt động của Công ty, thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để xây dựng và triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt nhằm khai thác triệt để thời cơ kinh doanh;

- Thường xuyên rà soát việc bố trí sử dụng lao động tại các tổ, các bộ phận trong Công ty để bố trí hợp lý lao động trong dây chuyền sản xuất, phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động;



- Rà soát, phân loại các khoản nợ phải thu để có kế hoạch và thành lập ban thu hồi công nợ để đưa ra những biện pháp thu hồi nợ hợp lý;

- Đặc biệt quan tâm đến công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực như ký kết hợp đồng đào tạo với các trường để tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên và nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho Ban lãnh đạo Công ty;

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty: Không ngừng đổi mới và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo môi trường trong sạch đối với cộng đồng và xã hội. Công ty đã và đang lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động kết nối với Sở tài nguyên môi trường, cố gắng đảm bảo và giảm thiểu tối đa khói bụi ảnh hưởng đến môi trường.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Công ty xác định một mặt phải tiếp tục ổn định công tác tổ chức sản xuất, mặt khác phải đặt biệt quan tâm chú trọng đến công tác tiêu thụ, phát triển thị trường, để làm được điều đó Công ty dự kiến thực hiện các công việc sau:

### **5.1. Về công tác sản xuất**

#### **a. Về thiết bị:**

Tuân thủ các quy định về vận hành, thường xuyên kiểm tra tình hình của máy móc, thiết bị, hệ thống dây chuyền sản xuất; rà soát tình trạng hoạt động của thiết bị để giảm thời gian dừng do sự cố ngoài ý muốn.

Tăng cường công tác điều hành sản xuất, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong khối và bộ phận tiêu thụ để đưa ra lịch chạy hoặc dừng thiết bị hợp lý nhất, đảm bảo cho thiết bị chạy liên tục, dài ngày, hạn chế số lần khởi động và dừng thiết bị.

Tăng cường công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật; Tiến hành khắc phục và sửa chữa các thiết bị như máy nghiền nguyên liệu, máy nghiền xi, máy nghiền than nhằm nâng cao năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Tính toán tối ưu hóa thời gian bảo trì và thời gian chạy máy để đảm bảo thiết bị chạy ổn định nhất, chủ động dừng các thiết bị vào giờ cao điểm để giảm chi phí điện năng.

Tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất bằng cách tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa để giảm thời gian ngừng sản xuất nâng cao hiệu suất thiết bị, nâng cao năng suất lò nung và công suất nghiền xi măng. Cung cấp nhanh chóng, kịp thời vật



tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để đảm bảo cho quá trình sản xuất của nhà máy được liên tục. Tăng tỷ lệ phối trộn than cám 4A Núi Hồng với than cám 5 Khánh Hòa và than cám 7B Khánh Hòa để đảm bảo có đủ nguồn nhiên liệu phục vụ sản xuất đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Quản lý chặt chẽ hệ thống kho bãi chứa nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, khoa học.

Xây dựng kế hoạch tổng hợp, chi tiết cho từng đơn vị. Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch đã đặt ra đối với từng đơn vị và có những biện pháp điều chỉnh cần thiết, kịp thời.

**b. Về công nghệ sản xuất:**

Triển khai tích cực các giải pháp công nghệ để nâng cao mác nền clinker và xi măng, tổ chức giám sát chặt chẽ hệ số phối liệu từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến khâu vận hành thiết bị để giữ phối liệu ổn định.

Nghiên cứu cân đối tỷ lệ từng loại phụ gia, tiến hành thử nghiệm khả năng hoạt tính, khả năng cải thiện màu sắc để xác định tỷ lệ phụ gia tối ưu nhằm hạ giá thành sản xuất và tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu hiện có để đáp ứng ổn định phối liệu và giảm tiêu hao các nguyên liệu điều chỉnh.

Nghiên cứu các biện pháp sản xuất clinker với chất lượng tốt, mác cao để có khả năng pha được nhiều phụ gia xi măng, tăng được khối lượng xi măng để giảm chi phí giá thành trên một tấn sản phẩm.

Công ty đã sử dụng phụ gia trợ nghiền để tăng năng suất nghiền xi măng và tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, tuân thủ quy trình công nghệ đảm bảo chất lượng hàng khi xuất bán.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm bằng cách kiểm tra sát sao chất lượng nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, tuân thủ quy trình kỹ thuật công nghệ, kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất bán. Đặc biệt tăng cường kiểm soát chặt chất lượng đá vôi đầu vào, dự trữ vật tư, nguyên vật liệu hợp lý phục vụ kịp thời sản xuất, xây dựng bài toán phối liệu phù hợp với sự dao động của nguyên liệu đầu vào, kiểm tra thường xuyên, liên tục chất lượng xi măng, clinker xuất bán, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm kém chất lượng.



**c. Về công tác An toàn lao động:**

Đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng nghiệp.

Kiên quyết không để xảy ra tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người và sự cố thiết bị loại I, loại II.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ luật lao động đối với các cá nhân vi phạm, động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân xuất sắc.

Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các biện pháp an toàn trong thực hiện nhiệm vụ, tích cực cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, phòng chống độc hại tại các vị trí sản xuất.

Chấm điểm cuối năm 2019 Công ty đạt hoàn thành kế hoạch Tổng công ty giao.

**d. Về thị trường tiêu thụ:**

Thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành của Tổng Công ty Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và Cơ chế điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019. Công ty tiếp tục cải điều chỉnh công tác thị trường, tự chủ hơn trong việc điều hành, quản lý thị trường. Giám sát chặt chẽ hơn các nhân viên thị trường trong công tác chăm sóc khách hàng, giới thiệu quảng bá sản phẩm, đôn đốc và thu hồi công nợ của khách hàng. Công ty đã xây dựng được chế tài cụ thể với công tác bán hàng và thu hồi công nợ.

Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ, mở rộng thị trường ra các địa bàn có tiềm năng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống đại lý và nhà phân phối để tăng sản lượng tiêu thụ. Có chế độ chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng. Tổ chức chăm sóc khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

Tiếp tục giữ vững thị trường đang có, chọn lọc khách hàng tiềm năng, giảm bớt việc bán hàng trả chậm, xây dựng thương hiệu thông qua quảng cáo, chăm sóc khách hàng và duy trì sự ổn định của chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh tiêu thụ ở khu vực giá cao như tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, giữ vững thị trường Bắc Giang, Hà



Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh. Tăng cường cán bộ kiểm tra kiểm soát thị trường, chăm sóc khách hàng, nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản lượng xi măng.

Thực hiện chiết khấu hợp lý đối với từng khách hàng, từng thời điểm trên các khu vực thị trường nhằm đảm bảo sự gắn bó lâu dài giữa Công ty và khách hàng.

Cụ thể đối với các khu vực thị trường như sau:

❖ *Đối với thị trường tỉnh Thái Nguyên:*

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng đối với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, Đây là thị trường lõi Công ty luôn luôn đặt mục tiêu tiêu thụ nhiều sản phẩm nhất. Năm 2019 riêng thị trường Thái Nguyên đạt 162.138 tấn sản phẩm bằng 100,94% kế hoạch đề ra.

- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu. Giữ vững thị trường. Cuối năm thị trường Thái Nguyên đã không để phát sinh thêm công nợ xấu.

- Công ty cũng đã ký hợp đồng với phòng tài chính các Huyện trên địa bàn Tỉnh, phối hợp chặt chẽ với Ban điều phối nông thôn và phòng Tài chính các Huyện và UBND các Xã trên địa bàn thực hiện tốt chương trình kiên cố hóa nông thôn, xây dựng đường nông thôn. Năm 2019 công ty đã thực hiện cung cấp được 20.038 tấn xi măng/Kế hoạch 15.000 tấn xi măng cho xây dựng đường nông thôn đạt 133,58% KH.

❖ *Đối với thị trường tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng:*

- Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, mở rộng thị trường ký hợp đồng với các nhà phân phối, các đại lý.

- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu.

- Tăng cường đưa sản phẩm xi măng Quán Triều vào các công trình xây dựng thông qua các Sở ban ngành tại địa bàn để tăng sản lượng tiêu thụ đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao. Năm 2019 thị trường Bắc Kạn và Cao Bằng cũng đã có sự tăng trưởng từ 14 đến 17% cụ thể thị trường Bắc Kạn năm 2019 đã tiêu thụ 29.437 tấn Sp/KH 25.000 tấn SP. Thị trường Cao Bằng năm 2019 đã tiêu thụ 59.378 tấn SP/KH 52.000 tấn SP.

❖ *Đối với các thị trường còn lại:* Tiếp tục giữ vững thị phần, theo dõi bám sát thị trường, kiểm tra kiểm soát thị trường chặt chẽ. Đặc biệt thị trường Bắc Giang và Hà Nội đã có sự gia tăng tích cực về sản lượng. Cụ thể: Thị trường Bắc Giang tiêu thụ 191.114 tấn/KH 95.650 tấn Sp bằng 199,81 % KH.



**5.2. Về công tác Tài chính:**

- Tập trung giải quyết nguồn vốn, tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

- Tăng cường vận động CBCNV và các cá nhân trong và ngoài Công ty thu hút tối đa nguồn vốn nhân rồi để đầu tư các dự án đầu tư của Công ty. Năm 2019 Công ty đã thu hút được 6,4 tỷ đồng để đầu tư 2 dự án với 3 hạng mục công trình ( Mở rộng kho sét và kho phụ gia; Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động), nâng tổng số huy động vốn từ các cá nhân và CBCNV nên hơn 8,8 tỷ đồng

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giữ vững các khách hàng có khả năng thanh toán tiền ngay, đúng hạn. Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu, nợ dây dưa, công nợ khó đòi.

- Xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán hợp lý nhằm thu tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động cũng như không để thất thoát vốn.

- Không để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn, cố gắng tìm các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ để có nguồn thanh toán công nợ kịp thời, giảm số dư nợ vay vốn lưu động. Thực hiện thanh toán nợ phải trả đối với khách hàng đúng thời hạn quy định, không để nợ quá hạn.

**5.3. Về công tác tổ chức lao động:**

- Chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực, để sẵn sàng triển khai các công việc, nhằm đáp ứng tốt những yêu cầu công việc đặt ra. Có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, đội ngũ công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ. Nâng cao tư duy cán bộ công nhân viên về tính chủ động trong công việc, thực hiện tốt việc giao thiết bị đến từng cá nhân người lao động, người quản lý phân xưởng nhằm nâng cao trách nhiệm trong công việc với mục tiêu tăng thời gian hoạt động của thiết bị, tăng năng hiệu quả của thiết bị, giảm thiểu các sự cố hỏng hóc thiết bị do lỗi chủ quan của người lao động. Kiên quyết không sử dụng những người lao động lười biếng, có tay nghề kém, trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu và thiếu trách nhiệm trong công tác sau khi đã trải qua quá trình đào tạo, rèn luyện.



Tiếp tục sắp xếp lại lực lượng lao động, tiến hành đào tạo, bổ nhiệm cán bộ tại các vị trí chủ chốt nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

- Công tác tái cơ cấu lao động Công ty về cơ bản đã thực hiện xong theo đúng mô hình tổ chức mẫu của Tổng công ty. Tổng số CBVNV Công ty hiện tại là 351 người /KH 351 người, so với đầu năm, Công ty hiện tại là 6 phòng, 3 phân xưởng.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện ăn ở và làm việc cho người lao động để người lao động yên tâm công tác như: bố trí nơi ăn chốn ở, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất nơi làm việc, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao trong toàn Công ty, xây dựng đời sống tinh thần cho CBCNV ngày càng được nâng cao. Tăng cường công tác an ninh giữ gìn trật tự trong địa bàn nhà máy, tăng cường sức mạnh đội ngũ bảo vệ của Công ty ngày một lớn mạnh, để đóng góp nhiều hơn nữa trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

- Về công tác tiền lương:

Tổng quỹ tiền lương được quyết toán: 33,65 tỷ đồng:

Trong đó:

- Quỹ lương thực hiện đối với VCQL: 1,56 tỷ đồng

- Quỹ lương thực hiện chi trả cho người lao động: 32,09 tỷ đồng.

+ Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2019 là 351 người.

Trong đó: - Lao động công nghệ: 209 người = 59,54 %

- Lao động quản lý: 29 người = 8,26 %

- Lao động phụ trợ: 91 người = 25,92%

- Lao động phục vụ: 22 người = 6,27%

**Các rủi ro:**

❖ **Rủi ro về kinh tế**

Hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu đẩy mạnh dòng tiền đầu tư, từ đó tạo động lực phát triển cho toàn nền kinh tế. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế



hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự lưu chuyển của dòng tiền và từ đó kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp.

- **Rủi ro tăng trưởng và lạm phát**

Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương, tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2019 là 7,02 % tăng so với kế hoạch là 6,8%, tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá tốt từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 2,73% năm 2019. Mức lạm phát năm 2019 được đánh giá là thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu của Quốc hội đặt ra từ đầu năm (3,3%). Xét về tăng trưởng kinh tế, năm 2019 kết thúc với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng 7,02%. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu tăng 6,8 % đề ra đầu năm của Quốc hội. Nhìn chung, mặc dù các điều kiện về kinh tế trong nước cũng như toàn cầu đã và đang được cải thiện nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn sau khủng hoảng, tăng trưởng vẫn còn chậm và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi.

- **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Lãi suất huy động cũng liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối năm, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7,5 %/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 7,1% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay.

Việc đẩy mạnh sử dụng công cụ đòn bẩy tài chính có thể làm tăng quy mô hoạt động, nhưng Công ty cũng cần có các biện pháp nhất định để kiềm chế sự ảnh hưởng của sự biến động lãi suất.



**❖ Rủi ro về pháp luật**

Là một công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua, hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, Đặc biệt sự ra đời của Nghị định 20/2017/NĐ –CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết... Những thay đổi này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, mặt khác cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

**❖ Rủi ro đặc thù**

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xi măng. Bên cạnh đó, do Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP vừa là cổ đông lớn (nắm giữ 84,91% vốn điều lệ), vừa là nhà cung cấp của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ kết quả hoạt động của ngành than. Như vậy, Công ty phải chịu thêm những rủi ro đặc thù của ngành than như rủi ro biến động giá cả, rủi ro về sự thay đổi theo hướng bất lợi của thời tiết,...

**❖ Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán**

Khi được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một phần cấu tạo nên và do đó chịu ảnh hưởng của sự biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, và rộng hơn là tình hình chung của thị trường chứng khoán thế giới.



Trong ngắn hạn, giá cả của cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng của các biến số như tình trạng nền kinh tế hay doanh thu của công ty mà sẽ được quyết định bởi quy luật cung - cầu, tâm lý của nhà đầu tư và thậm chí cả những yếu tố phi kinh tế khác. Đây là những biến số ngẫu nhiên, thiếu tính ổn định và khó có thể dự đoán trước, qua đó, chúng làm gia tăng rủi ro biến động giá cho nhà đầu tư.

#### ❖ **Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Doanh thu thuần năm 2019 đạt: 663,86 tỷ đồng, tăng 11,86% so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó giá vốn hàng bán năm 2019 tăng 10,19 % so với năm 2018 chủ yếu tăng do sản phẩm tiêu thụ tăng hơn so với năm 2018. Doanh thu tăng mạnh làm cho lợi nhuận gộp 2019 tăng 19,51 tỷ tương đương 20,65 % so với cùng kỳ năm 2018. Cùng với đó, năm 2019 chi phí tài chính của Công ty cũng đã giảm mạnh, từ 60,92 tỷ đồng năm 2018 xuống còn 54,50 tỷ đồng năm 2019 tương đương giảm 6,4 tỷ. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng so với cùng kỳ năm trước là do Công ty đã và đang tập trung mở rộng thị trường và tăng cường quảng bá thương hiệu cũng như đưa ra một số chính sách nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công việc. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty đạt 27,23 tỷ đồng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2019 có sự tăng mạnh là do trong năm 2019 giá bán sản phẩm xi măng đã tăng hơn so với năm 2018, nhất là việc duy trì sản xuất đã được ổn định, năng xuất sản xuất của thiết bị được tăng lên đáng kể.

Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 so với kế hoạch đã đặt ra:



## TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU NĂM 2019

Đơn vị: Công ty CP xi măng Quán Triều - VVMI

Biểu số: 01

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5/4</i>
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu pháp lệnh</b>	<b>Đồng</b>	<b>18.581.601.146</b>	<b>23.449.101.753</b>	<b>126,20</b>
<b>I</b>	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>Đồng</b>	<b>18.581.601.146</b>	<b>23.449.101.753</b>	<b>126,20</b>
	Thuế GTGT	"	18.557.601.146	22.371.476.889	4,00
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	0	1.029.789.321	
	Thuế đất	"	8.000.000	10.454.553	130,68
	Thuế tài nguyên	"	13.000.000	34.380.990	264,47
	Thuế môn bài	"	3.000.000	3.000.000	100,00
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu công nghệ</b>	<b>Đồng</b>			
	- Mác Clinker bình quân	N/mm2	49,0	> 50	
	- Tiêu hao nhiệt	kcal/kgCLK	609,0	527,0	86,54
	- Độ ẩm phụ gia	%	<4	< 5,8	
	- Tỷ lệ phụ gia				
	+ Xi măng PCB 30	%	34,00	34,13	100,39
	+ Xi măng PCB 40	%	17,00	16,49	97,03
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu giao khoán</b>	<b>"</b>			
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>đồng</b>	<b>592.098.218.006</b>	<b>664.488.461.594</b>	<b>112,23</b>
	- Doanh thu xi măng, Clinker	đồng	592.098.218.006	660.978.801.816	111,63
	- Doanh thu khác	"	0	3.509.659.778	
<b>II</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Đồng</b>	<b>592.098.218.006</b>	<b>664.488.461.594</b>	<b>112,23</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí biến đổi</b>	<b>đồng</b>	<b>437.417.218.006</b>	<b>492.461.971.710</b>	<b>112,58</b>
	Nguyên vật liệu	"	165.322.293.246	220.030.699.058	133,09
	Nhiên liệu	"	103.411.850.015	93.059.059.986	89,99
	Động lực	"	115.618.297.683	122.024.438.581	105,54
	Tiền lương	"	29.232.336.000	33.657.040.582	115,14
	BHXH, Y tế, KP CD	"	4.507.795.464	4.244.969.187	94,17
	Chi khác ( Chưa bao gồm lãi vay)	"	18.400.157.105	16.824.106.094	91,43
	Chi phí thuê ngoài	"	2.749.620.000	2.621.658.222	95,35



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.901.329 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

	Tiết kiệm chi phí	"	-1.825.131.506	0	0,00
<b>IV</b>	<b>Lãi hoạt động</b>	<b>đồng</b>	<b>154.681.000.000</b>	<b>168.516.830.106</b>	<b>108,94</b>
	- Sản xuất xi măng, clinker	"	154.681.000.000	168.516.830.106	108,94
	- Sản xuất khác	"	0		
<b>V</b>	<b>Chi phí cố định</b>	<b>đồng</b>	<b>79.876.000.000</b>	<b>79.475.206.558</b>	<b>99,50</b>
1	Sản xuất kinh doanh	"	79.876.000.000	79.475.206.558	99,50
	Khấu hao tài sản	"	79.876.000.000	79.461.752.005	99,48
<b>VI</b>	<b>Chênh lệch dở dang đầu kỳ, cuối kỳ</b>	<b>đồng</b>	<b>0</b>	<b>7.389.255.549</b>	
<b>VII</b>	<b>Kinh doanh khác</b>			<b>2.388.738.920</b>	
<b>VIII</b>	<b>Lợi nhuận từ HĐSXKD</b>	<b>đồng</b>	<b>74.805.000.000</b>	<b>82.773.288.857</b>	<b>110,65</b>
	- Sản xuất xi măng, clinker	"	74.805.000.000	81.652.367.999	109,15
	- Sản xuất khác	"	0	1.120.920.858	
<b>IX</b>	<b>Lợi tức từ HĐ tài chính</b>	<b>đồng</b>	<b>-54.805.000.000</b>	<b>-54.493.174.339</b>	<b>99,43</b>
1	Thu nhập hoạt động tài chính	"	0	9.765.954	
2	Chi phí hoạt động tài chính	đồng	-54.805.000.000	-54.502.940.293	99,45
	Trả lãi vay lưu động	"	-8.543.000.000	-4.895.365.290	57,30
	Trả lãi vay vốn cố định thiếu nguồn	"	-43.762.000.000	-42.890.564.846	98,01
	Lãi chậm trả, CKTT	"	-2.500.000.000	-6.717.010.157	
<b>X</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>28.280.114.518</b>	<b>141,40</b>
<b>C</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>				
<b>I</b>	<b>Sản xuất và tiêu thụ xi măng</b>	<b>Tấn</b>	<b>740.000</b>	<b>828.346</b>	<b>111,94</b>
	+Xi măng bao PCB 30	"	156.000	177.024	113,48
	+Xi măng bao PCB 40	"	344.000	399.568	116,15
	+Xi măng bột PCB 30	"	3.000	1.946	64,88
	+Xi măng bột PCB 40	"	137.000	120.606	88,03
	+Clinker	"	100.000	129.201	129,20
<b>II</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
	- Lao động Bq	Người	361	352	97,51
	- Tiền lương bình quân	đ/ng/th	6.748.000	7.968.049	118,08
	- Tiền ăn ca	đ/xuất	20.000	20.000	100,00



**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành:

**2.1. Giám đốc Công ty:**

- + Họ và tên: **Trần Việt Cường**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 14- Phường Hoàng Văn Thụ- TP Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa.
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: Không

**2.2. Phó Giám đốc**

- + Họ và tên : **Văn Trọng Tuấn**
- + Giới tính : Nam
- + Ngày tháng năm sinh : 11/10/1976
- + Quê quán : Yên Lãng - Đại Từ- Thái Nguyên
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 18 phường Quang Trung- TP Thái Nguyên.
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa cung cấp điện
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: Không

**2.3. Phó Giám đốc**

- + Họ và tên : **Nguyễn Sóng Gió**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh : 07/01/1968
- + Quê quán: xã Sơn Cẩm- Phú Lương
- + Địa chỉ thường trú: xã Sơn Cẩm- TP Thái Nguyên - Thái Nguyên
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 4.000 cổ phần



**2.4. Phó Giám đốc**

- + Họ và tên : **Đỗ Ngọc Huy**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh : 19/04/1979
- + Quê quán: Xã Xuân Hòa, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương - Tp Thái Nguyên
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu SILICAT
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: Không

Thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 16/05/2019 theo QĐ số 21/QĐ – HĐQT ngày 14/05/2019.

**2.5. Kế toán trưởng Công ty:**

- + Họ và tên: **Nguyễn Anh Tuấn**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 10/3/1983
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 8 - Phường Quang Vinh - TP Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hóa: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: Không

Cơ cấu lao động trong công ty thể hiện cụ thể như sau:

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Cơ cấu (%)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Theo chức danh</b>	Người	<b>351</b>		
1	Cán bộ quản lý	„	29	8,26	
2	Nhân viên hành chính,KT,NV	„	32	9,11	
3	Nhân viên phục vụ	„	81	23,07	
4	Công nhân lao động	„	209	59,54	
<b>II</b>	<b>Theo trình độ</b>	„	<b>352</b>		
1	Trên đại học	„	1	0,28	
2	Đại học	„	119	33,9	
3	Cao đẳng	„	23	6,55	
4	Trung học	„	49	13,96	
5	Công nhân	„	159	45,30	



- Chính sách đối với người lao động:

+ Các cán bộ nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên.

+ Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương thưởng thích đáng đối với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền lợi theo đúng năng lực cá nhân.

+ Công ty có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1 năm 1 lần với khối văn phòng và 1 năm 2 lần với khối kỹ thuật và các phân xưởng. Trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động,... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty. Cụ thể Công ty đã xây dựng cơ chế mua bảo hiểm nhân thọ cho các cán bộ công nhân viên là những người có trình độ tâm huyết với Công ty và hàng năm có sự bình xét để có thêm các cá nhân xuất sắc, khích lệ tinh thần trách nhiệm với công việc của các cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

#### *a) Các khoản đầu tư lớn:*

Năm 2019 Công ty đã đầu tư xây dựng và hoàn thành 2 dự án. Dự án đầu tư xây dựng công trình kho chứa phụ gia xi măng và đầu tư mở rộng kho chứa đất sét và Dự án đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động. Các dự án đầu tư theo đúng quy trình thủ tục đầu tư hướng dẫn của Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và của Tập đoàn. Đến ngày 31/12/2019. Hai dự án trên đã bàn giao đưa vào sử dụng .

#### *b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có*



**4. Tình hình tài chính:***a) Tình hình tài chính*

- Các chỉ tiêu chính

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	854.560.678.526	984.888.223.760	-13,23
Doanh thu thuần	663.862.000.168	593.475.647.468	11,86
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.678.054.203	5.646.034.381	390,22
Lợi nhuận khác	602.060.315	-288.948.407	-308,36
Lợi nhuận trước thuế	28.280.114.518	5.357.085.974	427,90
Lợi nhuận sau thuế	27.230.029.982	5.357.085.974	408,30
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			-



- Giá trị sổ sách của công ty thời điểm 31/12/2019:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>A.Tài sản ngắn hạn</b>	<b>59.558.491.865</b>	<b>116.007.591.537</b>
1.Tiền và các khoản tương đương tiền	7.890.694.879	14.692.913.067
2.Các khoản phải thu ngắn hạn	30.890.258.771	63.187.734.437
3.Hàng tồn kho	17.638.825.120	26.063.661.993
4.Tài sản ngắn hạn khác	3.138.713.095	12.063.282.040
<b>B.Tài sản dài hạn</b>	<b>795.002.186.661</b>	<b>868.880.632.223</b>
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>854.560.678.526</b>	<b>984.888.223.760</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>A.Nợ phải trả</b>	<b>710.134.306.397</b>	<b>867.691.881.613</b>
1.Nợ ngắn hạn	374.417.303.020	435.975.106.965
2.Nợ dài hạn	335.717.003.377	431.716.774.648
<b>B.Vốn chủ sở hữu</b>	<b>144.426.372.129</b>	<b>117.196.342.147</b>
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần		
3.Quỹ đầu tư phát triển		
4.Quỹ dự phòng tài chính		
5.Lợi nhuận chưa phân phối	-105.573.627.871	-132.803.657.853
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>854.560.678.526</b>	<b>984.888.223.760</b>



## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2018
<b><u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u></b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,16	0,27
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,21
<b><u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</u></b>			
Nợ/Tổng tài sản	%	83,10	88,1
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	491,69	740,37
<b><u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u></b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	25,16	15,95
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,72	0,58
<b><u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u></b>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,04	0,01
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,21	0,05
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,03	0,01
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	0,04	0,01

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

## a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.000.000 cổ phần
- Loại cổ: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 25.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có



b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I. Cổ đông trong nước</b>	<b>629</b>	<b>25.000.000</b>	<b>100</b>
* Cá nhân	627	3.706.986	14,83
* Tổ chức	2	21.293.014	85,17
<b>II. Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0
<b>III. Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng</b>	<b>629</b>	<b>25.000.000</b>	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Công ty đã tổ chức tốt việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và vẫn đảm bảo đủ nguyên liệu



b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm: Không

**6.2. Tiêu thụ năng lượng**

a. Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 77.850.509 kw/năm 2019

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

**6.3. Bảo vệ môi trường:**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

**6.4. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 351 người

- Mức lương bình quân của người lao động năm 2019: 7.968.049 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số lớp đào tạo trung bình trong năm 2019 là 19 lớp với 53 lượt CBCNV

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

**6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Các hoạt động đối với cộng đồng: Luôn đảm bảo khi địa phương có yêu cầu đóng góp.



**III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- *Tổng quan hoạt động kinh doanh năm 2019:*

Năm 2019, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng ở mức thấp và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất ổn, đó là sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, những tác động tiêu cực từ Brexit vẫn còn. Trong khi đó, các chính sách nới lỏng tiền tệ (lãi suất thấp hoặc âm, các gói nới lỏng định lượng và định tính...) tại hầu hết các nước không mấy hiệu quả đối với tăng trưởng và lạm phát. Giá dầu biến động mạnh Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đều cho thấy tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong năm 2019 giảm, chỉ ở mức 2,9%. Tăng trưởng thương mại quốc tế cũng chỉ đạt 2,5%, mức thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây

Trước bối cảnh phục hồi kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam đạt được một số thành quả đáng ghi nhận bên cạnh một số khó khăn, thách thức như:

Tăng trưởng kinh tế tăng 7,02% cao hơn so với kế hoạch (6,8%); Ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì: Lạm phát năm 2019 ước trong khoảng 2,73 % chủ yếu do giá dịch vụ công được chủ động điều chỉnh. Niềm tin nhà đầu tư nước ngoài ngày càng được củng cố vào ổn định vĩ mô; Tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định; Cán cân thanh toán quốc tế (CCTTQT) đảo chiều. Các kết quả trên khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2019. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay là tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%).

Về cơ cấu kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ



chiếm 41,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91% (Cơ cấu tương ứng của năm 2018 là: 14,68%; 34,23%; 41,12%; 9,97%).

Trên góc độ sử dụng GDP năm 2019, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,23% so với năm 2018; tích lũy tài sản tăng 7,91%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 6,71%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,35%.

Về chất lượng tăng trưởng kinh tế, năm 2019 đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,2% do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2019 tăng cao. Hiệu quả đầu tư được cải thiện với nhiều năng lực sản xuất mới bổ sung cho nền kinh tế. Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,97 năm 2018; năm 2019 ước tính đạt 6,07. Bình quân giai đoạn 2016-2019 hệ số ICOR đạt 6,14, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015.

Về phía Công ty, năm 2019, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn về thị trường do nằm trong vùng mật độ có nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị trong ngành. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành, sự đoàn kết của tập thể người lao động, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Sản lượng sản xuất, tiêu thụ năm 2019:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Sản xuất	Tiêu thụ	% so với KH
1	Xi măng Bao PCB 30	Tấn	156.000	177.044,10	177.044,10	113,49
2	Xi măng Bao PCB 40	Tấn	344.000	399.567,80	399.567,80	116,15
3	Xi măng Bột PCB 30	Tấn	3000	1.946,48	1.946,48	64,88
4	Xi măng Bột PCB 40	Tấn	137.000	120.605,81	120.605,81	88,03
5	Clinker	Tấn	100.000	129.201,36	129.201,36	129,20
<b>Tổng cộng</b>			<b>740.000</b>	<b>828.366</b>	<b>828.366</b>	<b>111,94</b>



STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	<b>Doanh thu BH và CCDV</b>	<b>663.862.000.168</b>	<b>593.475.647.468</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	<b>Doanh thu thuần về BH và CCDV</b>	<b>663.862.000.168</b>	<b>593.475.647.468</b>
4	Giá vốn hàng bán	549.845.417.558	498.970.741.845
5	<b>Lợi nhuận gộp về BH và CCDV</b>	<b>114.016.582.610</b>	<b>94.504.905.623</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9.765.954	13.430.581
7	Chi phí tài chính	54.502.940.293	60.918.548.114
8	Chi phí bán hàng	12.642.567.226	9.587.986.910
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.202.786.842	18.365.766.799
10	<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>27.678.054.203</b>	<b>5.646.034.381</b>
11	Thu nhập khác	626.461.426	58.418.820
12	Chi phí khác	24.401.111	347.367.227
13	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>602.060.315</b>	<b>-288.948.407</b>
14	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>28.280.114.518</b>	<b>5.357.085.974</b>

Doanh thu năm 2019 đạt 633,86 tỷ đồng tăng 11,86 % so với năm 2018. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 28,3 tỷ đồng bằng 141,40% KH. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	<b>Tổng doanh thu, thu nhập quyết toán:</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>664.498,23</b>
	Trong đó: - Doanh thu sản xuất xi măng	""	660.978,80
	- Doanh thu khác	""	3.519,43
2	<b>Lợi nhuận quyết toán:</b>	""	<b>28.280,11</b>
	Trong đó: - Sản xuất xi măng	""	81.652,37
	- TN hoạt động tài chính	""	-54.493,17
	- Thu nhập khác	""	1120,9209
3	<b>Lợi nhuận theo quy chế năm 2019:</b>		<b>22.387,72</b>
4	<b>Lợi nhuận tăng (+)/giảm (-) so với kế hoạch:</b>	""	<b>5.892,40</b>
	<b>* Nguyên nhân làm giảm lãi :</b>	""	<b>25.683,31</b>



<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Giá trị</b>
	- Giá bán giảm so với giá bán kế hoạch	""	4.267,38
	- Chi phí Nguyên vật liệu ( Vật liệu, PTTT, DMP. Sửa chữa TX)	""	12763,377
	- Chi phí lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi		119,06188
	- Tiền lương, bảo hiểm trích vào giá thành		2417,9617
	- Mua ngoài xi măng rời		2351,1905
	- Mua ngoài Clinker	""	1.721,32
	- Tiết giảm 0,5% CP biến đổi so với kế hoạch	""	2.043,03
	- Chi phí khác	""	
	<b>* Nguyên nhân làm tăng lãi</b>	""	<b>31.575,71</b>
	- Chi phí Động lực	""	645,92
	- Nhiên liệu		15.223,98
	- Khấu hao TSCĐ ( do sản lượng tăng)		4.542,78
	- CP tài chính (lãi lưu động, cố định,)		6.845,00
	- Chi phí HĐ khác	""	1120,9209
	- Chi phí khác	""	3.197,11
	<b>Chênh lệch</b>		<b>5.892,40</b>

- Những tiến bộ đã đạt được:

Đứng trước những thách thức và biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tối đa để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo gia tăng hiệu quả và giảm thiệt hại tối đa cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào và hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty luôn duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2019, Ban điều hành Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ người lao động đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy công việc được giao và kết quả được thể hiện như sau:



**+ Về thị trường:**

- Thường xuyên bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra giải pháp thích hợp nhằm tăng sản lượng xi măng bán cho thị trường có giá bán cao;

- Phối hợp chặt chẽ với các nhà máy xi măng trong và ngoài hệ thống của VINACOMIN để kiểm soát chặt thị trường, giá bán theo đúng chỉ đạo, điều hành thị trường của Công ty mẹ nên đã hạn chế được tình trạng các sản phẩm xi măng của các công ty trong cùng hệ thống cạnh tranh nhau giá bán trên cùng một thị trường. Một số địa bàn như Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Cao Bằng là thị trường chủ đạo của Công ty trong những năm qua luôn được Công ty duy trì ổn định về sản lượng và tăng giá bán đáng kể.

- Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ và luôn đôn đốc thu hồi công nợ.

**+ Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:**

Công tác kỹ thuật đã có nhiều cố gắng trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt nam. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao chất lượng clinker sản xuất, duy trì tỷ lệ phụ gia xỉ trong xi măng đạt kế hoạch giao; nên năm 2019 Công ty đã tiết giảm được chi phí giá thành so với năm 2018.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất, duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn. Tổ chức bảo dưỡng định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất theo kế hoạch để duy trì tình trạng kỹ thuật phòng ngừa sự cố để tăng thời gian huy động của thiết bị.



**+ Công tác kế hoạch khoán, quản:**

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để triển khai xây dựng và đề xuất lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao, đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích, kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời;

- Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng vật tư năm 2019 đúng, đủ, kịp thời phục vụ cho sửa chữa, thay thế vật tư. Thủ tục mua bán vật tư thực hiện theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty, Công ty mẹ và Vinacomin. Vật tư mua đảm bảo yêu cầu của sản xuất.

**+ Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện tốt các khoản thu, chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

**+ Công tác tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn, thỏa đáng, đúng nguyên tắc; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động trong Công ty đầy đủ, đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

**+ Các phân xưởng sản xuất:**

Các phân xưởng nhìn chung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán, đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất, phối hợp nhịp nhàng thực hiện nhiệm vụ được giao.



**+ *Khôi phục vụ:***

Đã giúp việc cho lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người lao động. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho người lao động trở thành khu văn hóa.

**+ *Công tác an toàn, bảo hộ lao động:***

Công tác an toàn, bảo hộ lao động luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra tai nạn lao động, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**2. Tình hình tài chính****a) Tình hình tài sản:**

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2019:

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2019 (VNĐ)</b>
I	Tài sản ngắn hạn	59.558.491.865
II	Tài sản dài hạn	795.002.186.661
	<b>Tổng cộng</b>	<b>854.560.678.526</b>

Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2019:

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2019 (VNĐ)</b>
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	39.635.895.565
2	Trả trước cho người bán	895.964.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.100.610.181
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(11.742.210.975)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30.890.258.771</b>

Cơ cấu tài sản của Công ty trong năm qua đã dần dần phát huy được năng suất, hiệu quả của việc đầu tư, tuy nhiên do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên tài sản cố định vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

Về các khoản nợ phải thu, các khoản phải thu khó đòi đến thời điểm 31/12/2019 có giá trị 12,65 tỷ đồng giảm được 2,03 tỷ so với cùng kỳ năm 2018. Tất cả công nợ khó đòi Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi.



**b) Tình hình nợ phải trả:**

Dư nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2019:

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2019 (VNĐ)</b>
I	Nợ ngắn hạn	374.417.303.020
II	Nợ dài hạn	335.717.003.377
	<b>Tổng cộng</b>	<b>710.134.306.397</b>

Công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2019:

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2019 (VNĐ)</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	191.092.022.376
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.185.789.698
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	23.293.039.492
4	Phải trả người lao động	5.876.890.916
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.173.224.676
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.044.722.460
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	147.751.613.402
	<b>Tổng cộng</b>	<b>374.417.303.020</b>

Dư nợ phải trả của Công ty đang ở mức khá lớn, bằng 83,09 % tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019. Trong đó, khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nợ phải trả (chiếm 47,27 %). Bên cạnh đó, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng chiếm tỷ trọng tương đối 20,80%. Công ty sử dụng các khoản vay này để tài trợ cho tài sản cố định là Nhà máy xi măng Quán Triều, và vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư khoản vay dài hạn đến thời điểm 31/12/2019 là 419,64 tỷ đồng.

Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Năm 2019, Công ty đã áp dụng trả lương cho người lao động quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Triển khai thực hiện Quy chế



quản lý lao động và tiền lương trong Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI đã ban hành theo quyết định số 07/QĐ - HĐQT ngày 22/03/2018 của Hội đồng Quản Trị. Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp; tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, nâng suất thiết bị, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững;

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời, phù hợp, giữ vững thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận;

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng nhằm giảm chi phí kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

- Tạo điều kiện cho các cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

**5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn cố gắng tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng điện, nước một cách tối đa.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn quan tâm đến lợi ích của người lao động, người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi của Công ty.



c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chấp hành tốt các quy định của địa phương.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2019 Công ty đã có nhiều cố gắng và chỉ đạo tích cực việc thực các nghị quyết từng Quý trong năm của HĐQT đề ra, có đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD từng tháng. Ban điều hành công ty đã chỉ đạo và thực hiện tốt những định hướng, chiến lược đề ra.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty :**

Năm 2019 Ban giám đốc công ty đã chuẩn bị tốt các nội dung báo cáo hàng quý, năm trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt. Tổ chức và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn trong việc lãnh đạo quản lý, điều hành theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

#### **V. Quản trị Công ty:**

##### **\* Thành viên hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm các thành viên:

##### **1. Ông Ngô Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT.**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

- Sinh ngày 19/08/1961.

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ

- Địa chỉ thường trú: Số 22 khu A tập thể nhạc viện Hà Nội - Đống Đa - Hà Nội.

- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 7.500 Cp

**2. Ông Hà Văn Chuyển** - Trưởng phòng vật tư thị trường - Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI



- Sinh ngày 18/09/1966
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
- Địa chỉ thường trú: Số 63B – Ngách 1 – Ngõ 88 – Phố Giáp Nhị - Quận

Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 0

**3. Ông Đỗ Ngọc Huy** - Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI.

- Sinh ngày 19/04/1979
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu Silicat
- Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương - Tp Thái Nguyên.
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 0

**4. Ông Trần Việt Cường** - Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974
- Địa chỉ thường trú: Tổ 14- Phường Hoàng Văn Thụ- TP Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 0

**5. Bà Đỗ Thu Hương** - Ủy viên HĐQT - Phó phòng kinh tế kế hoạch - Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP. (Kể ngày 05/04/2018)

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/04/1972
- Địa chỉ thường trú: Số 11, ngách 15 ngõ Hoàng An, Phố Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội.



- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2019: 1.400 cp

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
1	25/01/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý I/2019 về việc: 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý IV/2018 và cả năm 2018 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2019 3. Dự kiến ngày tổ chức Đại hội đồng từ ngày 01/04/2019 đến 5/04/2019 và giao Giám đốc công ty chuẩn bị các nội dung để phục vụ Đại hội. 4. Thông qua văn bản số 55/CMV-TCNS ngày 10/1/2019 về việc hướng dẫn kế hoạch sử dụng lao động – tiền lương năm 2019. Giao cho Giám đốc công ty chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện theo đúng quy chế, quy định của Công ty.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
2	21/02/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý I/2019 về việc 1. Thông qua tờ trình số 159/TTr-XMQT ngày 19/02/2019 về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý 2. Thông qua tờ trình số 161/TTr-XMQT ngày 20/2/2019 về việc ban hành hệ thống thang lương bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
3	14/3/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý I/2019 về việc: Thông qua tờ trình số 165/TTr-XMQT ngày 20/2/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh BCKTKT xây dựng công trình kho chứa phụ gia xi măng và đầu tư mở rộng kho chứa đất sét - Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
4	15/03/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp chuẩn bị tổ chức ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019: 1. Phê duyệt danh sách cổ đông triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo tờ trình số 218/TTr-XMQT ngày 14/03/2019. Giao cho Giám đốc Công ty hoàn thiện các thủ tục và phát hành thông báo triệu tập cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự đại hội đúng thành phần và thời gian quy định. 2. Thông qua chương trình ĐH, thống nhất nội dung trong dự thảo các báo cáo trình ĐH. 3. Thống nhất ban hành các quy chế ĐH. 4. Thông qua tờ trình đề nghị ĐH phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 của công ty đã được kiểm toán. 5. Thống qua tờ trình quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019. 6. Thống nhất tờ trình của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2019.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		<p>7. Thống nhất tờ trình Tổng CT CN mỏ Việt Bắc TKV – CTCP bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.</p> <p>8. Thông qua tờ trình về việc thay đổi kiểm soát viên.</p> <p>9. Thống qua tờ trình số 204/TTr-XMQT ngày 07/03/2019 về việc quy hoạch cán bộ kế cận giai đoạn 2016-2020; 2020-2025 của Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI .</p> <p>10. Thống nhất thông qua tờ trình ủy quyền cho HĐQT thông qua việc ký kết các hợp đồng liên quan theo điều 162 Luật doanh nghiệp.</p> <p>11. Đồng ý quyết định thành lập các ban chuẩn bị Đại hội.</p> <p>12. Đồng ý lấy ngày 4/4/2019 làm ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.</p> <p>13. Thông qua Tờ trình số 217/TTr-XMQT ngày 11/3/2019 về việc “Thông qua phương án trình Công ty mẹ là Tổng Cty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP phê duyệt tăng định mức dư nợ tiền Than năm 2019 cho Công ty CP xi măng Quán Triều VVMI”; nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị mức dư nợ:</li> <li>+ Tiền Than: Mức dư nợ tiền Than là 80 tỷ đồng; nếu mức dư nợ vượt quá 25 tỷ đồng thì tính lãi chậm trả theo lãi suất vay ngắn hạn ngân hàng tại từng thời điểm.</li> <li>- Nội dung khác:</li> </ul>	



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		<p>+ Hội đồng quản trị nhất trí uỷ quyền cho Ông Trần Việt Cường – Chức vụ Giám đốc là đại diện pháp lý cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất cả các nội dung trong các Hợp đồng mua bán, phụ lục hợp đồng và các giấy tờ liên quan.</p> <p>+ HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền của Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thông qua phương án trên đúng quy định của pháp luật.</p> <p>+ Hội đồng quản trị Công ty cam kết chịu trách nhiệm chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cân đối được nguồn thu để trả nợ đúng các khoản nợ theo mức được duyệt.</p>	
5	4/04/2019	<p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của HĐQT Công ty.</li> <li>2. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Giám đốc Công ty.</li> <li>3. Thông qua báo cáo của BKS Công ty tại ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019.</li> </ol>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		<p>4. Nhất trí thông qua Tờ trình của BKS về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019. Đại hội ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán theo các tiêu chí đã nêu trong tờ trình.</p> <p>5. Nhất trí thông qua việc Thay đổi kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017-2022; theo đó ông Phạm Đình Tuấn Phó phòng Quản lý vốn - Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty thay bà Nguyễn Hồng Hạnh kể từ tháng 11/2018</p> <p>6. Thông qua báo cáo quyết toán Tài chính năm 2018 sau kiểm toán.</p> <p>7. Thông qua việc đề nghị Tổng CT bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ SXKD năm 2019.</p> <p>8. Thông qua quyết toán chi trả thù lao năm 2018 và kế hoạch chi trả năm 2019 cho thành viên HĐQT, BKS Công ty.</p> <p>9. Đại hội ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng ký kết với các đơn vị có liên quan theo quy định tại điều 162 Luật Doanh nghiệp.</p>	
6	25/4/2019	<p>Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý II/2019 về việc:</p> <p>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2019 .</p> <p>2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2019</p> <p>3. Thống nhất ban hành quy chế quản lý công tác vật tư Công ty cổ phần xi măng Quán Triều</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		<p>VVMI theo nội dung tờ trình số 329/TTr-XMQT ngày 16/4/2019</p> <p>4. Thống nhất phê duyệt Phương án khắc phục các khó khăn tài chính của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI theo nội dung tờ trình số 285/TTr-XMQT ngày 01/4/2019.</p> <p>5. Giao cho Giám đốc lập phương án hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống phát nhiệt khí thải và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đầu tư theo quy định. Báo cáo HĐQT để trình Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP phê duyệt. Thời gian thực hiện xong trước 20/6/2019</p> <p>6. Giao cho Giám đốc triển khai những kiến nghị của đoàn kiểm tra giám sát của HĐQT Tổng công ty kiểm tra ngày 23/4/2019.</p>	
7	11/5/2019	<p>Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý II/2019 về việc:</p> <p>1. Đồng ý cho Ông Đỗ Ngọc Huy thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI. Kể từ ngày 16/5/2019.</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
8	27/5/2019	<p>Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý II/2019 về việc:</p> <p>1. Thông qua tờ trình số 431/TTr-XMQT ngày 13/5/2019 về việc xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc trong Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI:</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		2. Đồng ý cử ông Đào Trung Dũng – Trưởng phòng Cơ điện an toàn Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI. Đi tham quan, khảo sát công nghệ tại Trung Quốc.	
9	28/6/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý II/2019 về việc: 1. Thông qua kế hoạch sản xuất quý III/2019 2. Đồng ý tạm điều chỉnh đơn giá tiền lương theo tờ trình số 587A/TTr-XMQT ngày 27/6/2019 với đơn giá điều chỉnh là 52,92 đồng/1000đ doanh thu.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
10	30/6/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý II/2019 về việc: Phê duyệt các nội dung theo tờ trình số 609A/TTr-KTTKTC ngày 30/06/2019 về việc xem xét trích lập các khoản dự phòng Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI như sau: - Trích lập dự phòng các khoản nợ thu khó đòi lũy kế đến 30/06/2019 với số tiền là 12.751.706.606 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ, bảy trăm năm mươi một triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, sáu trăm linh sáu đồng). - Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lũy kế đến 30/06/2019 với số tiền là: 431.650.592 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng).	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
11	12/7/2019	<p>Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý III/2019 về việc:</p> <p>1- Đồng ý để Công ty TNHH PKF VIETNAM là đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.</p> <p>2- Giao cho Ông Trần Việt Cường – Giám đốc công ty đàm phán các nội dung trong hợp đồng và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH PKF Việt Nam.</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
12	31/7/2019	<p>Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý III/2019 về việc:</p> <p>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2019 .</p> <p>2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019</p> <p>3. Giao cho Giám đốc chỉ đạo phòng CDAT và các phòng ban liên quan cùng với Công ty cổ phần phần mềm BRAVO lập kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng phần mềm quản lý thiết bị từ ngày 1/8/2019.</p> <p>4. Đồng ý phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Dự án: Đầu tư xây dựng kho chứa phụ gia xi măng và đầu tư mở rộng kho chứa đất sét – Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI. Theo tờ trình số 695/XMQT-KTTKTC ngày 29/7/2019.</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		5. Giao cho Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chuyên môn lập phương án tự động hóa hệ thống bơm nước và trạm khí nén. Trình Tổng công ty và HĐQT phê duyệt.	
13	4/9/2019	<p>Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý III/2019 về việc:</p> <p>1- Phê duyệt tổng hạn mức vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 - 2020 là <b>110.000.000.000</b> đồng (<i>Một trăm mười tỷ đồng</i>) như sau;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên là: 20.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn).</li> <li>- Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên là: 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn).</li> <li>- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên là: 40.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng chẵn).</li> </ul> <p>2 – Thông qua phương án trình Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI vay vốn tại các ngân hàng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị bảo lãnh là: 20.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn).</li> </ul> </li> </ul>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		<p>+ Thời gian thực hiện: Từ khi phát sinh Bảo lãnh đến hết ngày 30/9/2020.</p> <p>- Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên, cụ thể như sau:</p> <p>+ Giá trị bảo lãnh là: 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn).</p> <p>+ Thời gian thực hiện: Từ khi phát sinh Bảo lãnh đến hết ngày 30/9/2020.</p> <p>+ Đồng ý thế chấp hàng tồn kho luân chuyển làm tài sản bảo đảm cho việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên.</p> <p>3- Hội đồng quản trị nhất trí uỷ quyền cho Ông Trần Việt Cường – Chức vụ Giám đốc công ty là đại diện pháp lý cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất cả các nội dung trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ khi giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong quyền hạn của HĐQT Công ty.</p> <p>4- Hội đồng quản trị Công ty cam kết chịu trách nhiệm chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cân đối được nguồn thu để trả nợ kịp thời và đúng thời hạn đối với các khoản vay này.</p>	
14	30/9/2019	<p>Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý III/2019 về việc:</p> <p>Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2019 với các chỉ tiêu chính</p>	<p>HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết</p>

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		như sau: - Sản lượng sản xuất và tiêu thụ: 217.960 tấn. - Doanh thu: 174 tỉ đồng. - Lợi nhuận: 10 tỷ đồng. - Lao động bình quân: 354 người. - Tiền lương bình quân: 8.088.000đồng/ng/tháng.	
15	18/10/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý IV/2019 về việc: 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý III/2019. 2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2019. 3. Thông qua quy chế thi đua, khen thưởng theo tờ trình số 915/TTr-XMQT ngày 04/10/2019; 4. Chưa Thông qua tờ trình số 870/TTr-XMQT ngày 28/9/2019 về việc phê duyệt quy chế Quản lý tài chính.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
16	2/12/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý IV/2019 về việc: 1. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động pháp chế Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI theo tờ trình số 980/TTr-XMQT ngày 31/10/2019; 2. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động công tác thanh tra Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI theo tờ trình số 963/TTr-	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		<p>XMQT ngày 25/10/2019;</p> <p>3. Đồng ý tạm phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo tờ trình số 1052/TTr-XMQT ngày 26/11/2019;</p> <p>4. Đồng ý tạm phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI là 54 đồng/ 1000 đồng doanh thu (Năm mươi bốn đồng).</p> <p>Trong đó:</p> <p>+ Đơn giá tiền lương cho viên chức quản lý: Đơn giá lương trên 1000 đ ồng doanh thu: 2,89 đồng (Hai phẩy tám mươi chín đồng).</p> <p>+ Đơn giá tiền lương cho người lao động: Đơn giá tiền lương trên 1000 đồng doanh thu: 51,11 đồng (Năm mươi một phẩy mười một đồng).</p> <p>5. Đồng ý giao cho ông Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI tuyển dụng lao động, ký hợp đồng theo đúng quy định hiện hành của Công ty, đảm bảo không tăng so với hướng dẫn kế hoạch sử dụng lao động, tiền lương của Tổng công ty đã ban hành tại công văn số 0055/CMV-TCNS ngày 10/01/2019.</p>	
17	25/12/2019	<p>Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý IV/2019 về việc:</p> <p>Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2020 với các chỉ tiêu chính</p>	<p>HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết</p>

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		như sau: - Sản lượng sản xuất và tiêu thụ: 154.000 tấn. - Doanh thu: 121 tỉ đồng. - Lợi nhuận: 2 tỷ đồng. - Lao động bình quân: 358 người. - Tiền lương bình quân: 6.100.000đồng/ng/tháng.	
18	31/12/2019	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý IV/2019 về việc: 1. HĐQT tạm thời Phê duyệt và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 các nội dung theo tờ trình số 1221/TTr-XMQT ngày 31/12/2019 về việc chấp thuận hợp đồng mua sắm một số vật tư của các đơn vị sản xuất kinh doanh trong nội bộ của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP; 2. Đồng ý thông qua danh sách quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát, bổ sung) có danh sách kèm theo; 3. Giao cho Giám đốc Công ty phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý Trưởng phòng, Quản đốc ...tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát, bổ sung) theo quy định hiện hành.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



**\* Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Với chủ trương không ngừng mở rộng thị trường, tập trung đội ngũ cán bộ phát huy thế mạnh điều kiện sẵn có để nâng cao chất lượng mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Bảo toàn và phát triển vốn, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu hóa nguồn thu cho Công ty.

**Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty.

**2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Tạ Văn Long	Trưởng ban	Chuyên trách
2	Ông Lê Minh Hiền	Ủy viên	Đến ngày 05/04/2018
3	Bà Phạm Thị Thúy Nga	Ủy viên	
4	Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Ủy viên	Từ ngày 05/04/2018 đến ngày 05/11/2018
5	Ông Phạm Đình Tuấn	Ủy viên	Từ ngày 05/11/2018

**2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát (BKS) có Trưởng ban hoạt động chuyên trách, còn các kiểm soát viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Họp định kỳ mỗi quý 01 lần. Lịch họp cụ thể do trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo.

Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết theo yêu cầu của các cổ đông hoặc theo đơn thư khiếu nại của CBCNV Công ty.



Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản thông báo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm, ngoài việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên của Trưởng ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã triệu tập 5 cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra theo từng chuyên đề trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty:

Ban kiểm soát đã ban hành 14 văn bản. Bao gồm các biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát; các văn bản của Ban kiểm soát gửi đến HĐQT, Ban giám đốc, Các Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính và tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán.

#### **V. Báo cáo tài chính:**

*Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

*Báo cáo tài chính đã kiểm toán (đính kèm).*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI**



**TRẦN VIỆT CƯỜNG**